BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25 /2023/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều đối với công trình đê điều.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

Điều 3. Quy trình lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Căn cứ lập kế hoạch:

a) Sự cấp thiết phải duy tu, sửa chữa để đảm bảo an toàn cho đê, chống xuống cấp, đáp ứng yêu cầu phòng, chống lũ lụt, bão;

b) Hiện trạng đê điều, mức độ hư hỏng, xuống cấp;

c) Yêu cầu, nhiệm vụ công tác quản lý đê điều;

d) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều trước ngày 15/6 hàng năm, gửi Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai để kiểm tra, tổng hợp.

Thành phần hồ sơ kế hoạch bao gồm:

a) Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo Bảng tổng hợp kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kế hoạch bao gồm: Thuyết minh đánh giá hiện trạng đê điều (kèm theo hình ảnh nếu có), sự cần thiết thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều, đề xuất (dự kiến) giải pháp kỹ thuật, sơ bộ khối lượng thực hiện chính và kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều của từng hạng mục, tuyến đê; Bản vẽ mặt cắt đại diện.

3. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai:

a) Tổ chức lập nội dung nhiệm vụ, kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều do Cục tổ chức thực hiện;

b) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều, bao gồm: nội dung kế hoạch của các địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 05/7 để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Quy trình thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Căn cứ tổng kinh phí chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ, hiện trạng đê điều và đặc thù của từng địa phương, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt kinh phí, bao gồm:

a) Kinh phí cho kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều của các địa phương do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện;

b) Tổng kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều;

c) Kinh phí cho các nội dung duy tu, bảo dưỡng đê điều do Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ vào kinh phí được phê duyệt, hiện trạng đê điều, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức và các quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với các nội dung có cấu phần xây dựng) hoặc lập đề cương - dự toán (đối với các nội dung không có cấu phần xây dựng), trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt.

Sau khi dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc đề cương - dự toán được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt và tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu.

3. Đối với nội dung Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện: Căn cứ vào kinh phí được phê duyệt, yêu cầu, nhiệm vụ công tác quản lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức và các quy định hiện hành, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện.

Điều 5. Xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

1. Quy trình xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

a) Khi phát hiện sự cố đê điều, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn kiểm tra cụ thể vị trí xảy ra sự cố và báo cáo bằng văn bản, đề xuất giải pháp xử lý;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra sự cố, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn đê điều và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai kiểm tra thực địa và có ý kiến bằng văn bản về chủ trương xử lý và nguồn kinh phí xử lý sự cố;

d) Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai về chủ trương và nguồn kinh phí xử lý sự cố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập phương án (dự án) xử lý khẩn cấp (cấp bách) trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt để tổ chức thực hiện. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều để tổ chức xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

Việc tổ chức thực hiện dự án khẩn cấp (cấp bách) xử lý sự cố đê điều được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

3. Trường hợp phát hiện sự cố đê điều trong khi đang có bão, lũ phải sửa chữa ngay để bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai các biện pháp ứng cứu kịp thời, sau đó hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xét duyệt.

Điều 6. Kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách địa phương

Việc lập, thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các Điều, khoản, điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH DUY TU, BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2023/TT-BNNPTNT ngày 21 / 12/ 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Hạng mục/ Tuyến đê	Vị trí	Địa danh (thành phố/ huyện...)	Giải pháp kỹ thuật	Khối lượng chính				Kinh phí (1.000 đồng)
TỔNG CỘNG									

Phụ lục II

THÀNH PHẦN HỒ SƠ BÁO CÁO SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2023/TT-BNNPTNT ngày 21 / 12 / 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai) về việc đề nghị xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố từ nguồn kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2. Văn bản báo cáo tình hình sự cố, đề xuất phương án xử lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thuyết minh về sự cố và đề xuất, kiến nghị:

- Đánh giá hiện trạng đê điều khu vực sự cố.

- Diễn biến sự cố gồm các nội dung: thời điểm phát hiện, xảy ra sự cố; mô tả sự cố (loại sự cố, vị trí, cấp đê, quy mô, kích thước, hiện trạng khu vực, …); diễn biến sự cố (bao gồm cả hình ảnh), đánh giá sơ bộ nguyên nhân; công tác chỉ đạo; biện pháp xử lý (giờ đầu và tiếp theo); kết quả xử lý giờ đầu.

- Đề xuất giải pháp xử lý sự cố (thể hiện trên bản vẽ mặt cắt ngang đại diện).

- Dự kiến khối lượng chủ yếu và kinh phí thực hiện.

- Kiến nghị.

Phụ lục III

THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN (DỰ ÁN) XỬ LÝ KHẨN CẤP (CẤP BÁCH) SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2023/TT-BNNPTNT ngày 21 / 12 / 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án (dự án) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

2. Văn bản về chủ trương và nguồn vốn xử lý sự cố của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

3. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cam kết bố trí nguồn vốn địa phương (nếu có).

4. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh phương án (dự án); thiết kế (gồm bản vẽ và thuyết minh thiết kế); danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

5. Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập dự toán, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có).

6. Tổng kinh phí; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng kinh phí; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).

7. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).